

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/DS- ST
Ngày 18/5/2018
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
Mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Phong
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Nguyễn Thị Kim Oanh

Ông Vi Quốc Thanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thu thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Chấm – kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 194/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc “*tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 60 ngày 13/4/2018 giữa:

**** Nguyên đơn:***

Lê Thị Thu Th, sinh 1970; *Trú tại:* Ấp P, xã Ph, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (chị Th có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc H, sinh 1963; *Trú tại:* Ấp P, xã Ph, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt)

**** Bị đơn:***

- Nguyễn Thị D, sinh 1986;

Trú tại: Ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn anh H trình bày:

Vào ngày 16/10/2014 chị Lê Thị Thu Th là chủ doanh nghiệp tư nhân Uyên Thảo có hợp đồng bán trả góp cho chị Nguyễn Thị D 01 xe mô tô nhãn hiệu Elizabeth Ffi với giá 37.000.000 đồng (nếu người mua trả đủ tiền một lần), nhưng chị D xin trả góp trong thời hạn 10 tháng với số tiền vốn lãi tổng cộng 50.810.000

đồng, mỗi tháng phía chị D phải góp 5.081.000 đồng, nhưng kể từ lúc ký hợp đồng đến nay chị D chỉ trả được 34.600.000 đồng, còn lại 16.210.000 đồng đến nay vẫn chưa trả.

Nay yêu cầu chị D trả cho chị Th số tiền còn lại 16.210.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 16/8/2015 đến ngày khởi kiện, tổng cộng 26 tháng, mức lãi suất 1,5%/tháng với tổng số tiền lãi 6.321.900 đồng.

Bị đơn Nguyễn Thị D vắng mặt và không có bất cứ lời trình bày nào trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng: Các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ đầy đủ, nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Áp dụng điều 428, 431, 438, 305 Bộ luật dân sự 2005, điều 429, 688 bộ luật dân sự 2015. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu Th. Buộc chị Nguyễn Thị D trả cho chị Lê Thị Thu Th số tiền nợ gốc 16.210.000 đồng và tiền lãi 3.993.000 đồng, tổng cộng 20.203.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th đối với phần lãi suất còn lại với số tiền 4.031.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

*** Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

[1] Về quyền khởi kiện: Chị Th cho rằng quyền lợi của chị bị xâm phạm bởi hợp đồng mua bán tài sản giữa chị với chị D, nên chị khởi kiện. Căn cứ khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị Th có quyền khởi kiện.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên xác lập giao dịch ngày 16/10/2014, bên mua chị D thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo phương thức trả góp hàng tháng, đến ngày 16/8/2015 thì trả dứt nhưng chị diễm không thực hiện đúng cam kết, nên quyền lợi của chị Th bị xâm phạm từ sau tháng 16/8/2015. Đến ngày 14/11/2017 thì chị Th khởi kiện. Căn cứ điều 429, 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện trong vụ án vẫn còn.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của chị Th là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc mua bán tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã N, huyện M. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[4] Bị đơn Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập xét xử 02 lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

*** Về nội dung giải quyết vụ án:**

[1] Giao dịch mua bán tài sản giữa doanh nghiệp tư nhân Uyên Thảo do chị Lê Thị Thu Th làm chủ doanh nghiệp ký các lập với chị Nguyễn Thị D vào ngày 16/10/2014 có nội dung chị D mua trả góp 01 xe mô tô nhãn hiệu Elizabethfffi của doanh nghiệp tư nhân Uyên Thảo với số tiền 50.810.000 đồng, hình thức trả góp mỗi tháng góp 5.081.000 đồng, nội dung của hợp đồng này được công chứng tại văn phòng công chứng Mỏ Cày Nam. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh. Phía doanh nghiệp cho rằng chị D còn nợ 16.210.000 đồng chưa thanh toán theo thỏa thuận cho doanh nghiệp, chị D quá trình Tòa án thụ lý giải quyết thì Tòa án đã triệu tập chị rất nhiều lần nhưng chị vẫn vắng mặt không có lý do và chị D cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến phản bác lại đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó buộc chị D trả số tiền 16.210.000 đồng cho chị Th là phù hợp.

[2] Đối với mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu. Hội đồng xét xử thấy rằng: Do các bên xác lập giao dịch vào ngày 16/10/2014 và giao dịch đã được thực hiện, nên chịu sự điều chỉnh theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và theo quy định tại điều 305 Bộ luật dân sự 2005 thì **“nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán”**, hiện tại mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố là 9%/năm tương đương 0,75%/tháng, thời gian bị đơn phải trả lãi tính từ 16/8/2015 đến ngày nguyên đơn khởi kiện là 26 tháng. Như vậy tổng số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu chỉ được chấp nhận là 3.146.000 đồng.

[3] Do chị D vi phạm nghĩa vụ, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 428, 431, 438, khoản 2 điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 429, 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu Th. Buộc chị Nguyễn Thị D trả cho chị Lê Thị Thu Th số tiền nợ gốc 16.210.000 đồng và tiền lãi 3.146.000 đồng, tổng cộng 19.356.000 (mười chín triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th đối với phần lãi suất còn lại với số tiền 3.176.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của chị Th, nếu chị D chưa thi hành xong các khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: chị D phải chịu 967.000 đồng. Chị Th phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 563.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008891 ngày 14/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, chị Thảo được nhận lại 263.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Trần Thanh Phong

